

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: Du lịch

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7810101

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tổng số tín chỉ yêu cầu: 135 tín chỉ

Tên văn bằng: Du lịch (Tourism)

Nơi cấp bằng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*(Ban hành tại quyết định số 1991 /QĐ-HVN ngày 07 tháng 05 năm 2026 của Giám đốc
Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1.1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo đại học ngành Du lịch - định hướng ứng dụng, đào tạo cử nhân có khả năng tổ chức tốt các hoạt động du lịch, có đầy đủ kiến thức chuyên sâu về du lịch, có năng lực và đạo đức nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng KH-CN, có tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu về nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển kinh tế xã hội bền vững và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể: Người học sau khi tốt nghiệp ngành Du lịch sẽ:

PO1: Có kiến thức khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tổ chức hoạt động du lịch để thực hiện tốt các công việc chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế;

PO2: Có năng lực nghề nghiệp thực hiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong các nghiệp vụ du lịch, năng lực nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ;

PO3: Có đạo đức nghề nghiệp, tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.

1.2 Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT
PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực du lịch.	PI1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực du lịch. PI1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực du lịch. PI1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực du lịch
PLO2. Áp dụng kiến thức nền tảng về hệ thống du lịch và các yếu tố liên ngành trong tổ chức và phát triển hoạt động du lịch	PI2.1. Áp dụng kiến thức về bản chất du lịch (khái niệm, lịch sử phát triển, xu hướng) và các lĩnh vực hoạt động du lịch trong phân tích hoạt động du lịch. PI2.2. Áp dụng kiến thức về hệ thống du lịch, tài nguyên du lịch (văn hóa, địa lý) và hành vi khách du lịch trong phân tích và tổ chức hoạt động du lịch.
PLO3. Áp dụng được kiến thức lý thuyết và thực tế cơ bản và toàn diện thuộc nhóm ngành du lịch	PI3.1. Áp dụng các kiến thức về phát triển bền vững trong du lịch PI3.2. Áp dụng các kiến thức tổng hợp về địa lý và tuyến điểm du lịch, văn hóa, ẩm thực, phong tục tập quán PI3.3 Áp dụng được kiến thức về chính sách pháp luật trong du lịch
PLO4: Áp dụng kiến thức về quản trị kinh doanh và marketing trong vận hành cơ sở du lịch	PI4.1 Áp dụng kiến thức quản trị để quản lý các loại nguồn lực trong doanh nghiệp du lịch (nhân lực, tài chính) và các điểm đến du lịch PI4.2 Áp dụng kiến thức quản trị trong quản lý chất lượng dịch vụ trong du lịch PI4.3. Áp dụng kiến thức về marketing trong kinh doanh du lịch
PLO5: Xây dựng chương trình và dự án du lịch, xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch	PI5.1. Xây dựng chương trình và dự án trong các loại hình du lịch (du lịch nói chung, du lịch nông nghiệp và sinh thái, du lịch cộng đồng) PI5.2. Xây dựng và phát triển sản phẩm trong kinh doanh du lịch

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT
PLO6: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực du lịch	PI6.1: Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. PI6.2: Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn. PI6.3: Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.
PLO7: Phối hợp làm việc nhóm và truyền đạt hiệu quả trong công việc.	PI7.1. Phối hợp làm việc nhóm và có những đóng góp mang lại hiệu quả PI7.2. Trao đổi kiến thức và kinh nghiệm với các thành viên trong nhóm mang đến lợi ích cho cả hai phía PI7.3 Giao tiếp và tương tác hiệu quả; có thể diễn đạt, thuyết trình; thuyết minh, hướng dẫn du lịch được cho du khách
PLO8: Sử dụng các kỹ năng nghề du lịch trong tổ chức, điều hành hoạt động du lịch thực tiễn.	PI8.1. Sử dụng thành thạo các kỹ năng lễ tân và giao tiếp khách hàng trong tổ chức, điều hành hoạt động du lịch thực tiễn. PI8.2. Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổ chức sự kiện, tổ chức du lịch MICE trong tổ chức, điều hành hoạt động du lịch thực tiễn. PI8.3. Sử dụng thành thạo các kỹ năng hướng dẫn và hoạt náo trong du lịch
PLO9: Thực hiện các nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.	PI9.1. Xác định đúng các vấn đề của lĩnh vực du lịch cần khảo sát hay nghiên cứu. PI9.2. Áp dụng hợp lý các phương pháp nghiên cứu vào lĩnh vực du lịch. PI9.3. Đưa ra kết luận hợp lý hay đề xuất giải pháp khả thi.
Tự chủ và trách nhiệm	

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra CTĐT
PLO10: Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	PI10.1: Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. PI10.2 Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

** Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo ngành Du lịch, Đại học Huế; Chương trình đào tạo ngành Du lịch ĐH Văn hóa Hà Nội*

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Công chức tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở trung ương và địa phương, đảm nhiệm các vị trí: quản lý các doanh nghiệp lữ hành; quản lý hướng dẫn viên du lịch; quản lý hoạt động vận chuyển khách du lịch; quản lý các khu, điểm du lịch; quản lý cơ sở lưu trú du lịch; quản lý thị trường du lịch; quản lý đào tạo, phát triển nguồn nhân lực du lịch; quản lý các hoạt động khác liên quan đến dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Viên chức đơn vị sự nghiệp nhà nước về du lịch (các trung tâm xúc tiến du lịch, trung tâm thông tin du lịch, văn phòng du lịch, cơ quan thông tin, truyền thông về du lịch,...), đảm nhiệm các công việc: nghiên cứu thị trường du lịch; thống kê du lịch; thông tin, truyền thông về du lịch; tổ chức sự kiện xúc tiến, quảng bá du lịch; tư vấn dịch vụ phát triển du lịch; tư vấn thông tin về sản phẩm du lịch.

- Giảng viên, nghiên cứu viên về du lịch và các lĩnh vực liên quan tại các cơ sở đào tạo và nghiên cứu về du lịch;

- Quản lý, điều hành các hoạt động tại các cơ quan, doanh nghiệp, bao gồm các công việc: phát triển sản phẩm du lịch; xây dựng chương trình du lịch; marketing du lịch; quản lý doanh nghiệp, đại lý du lịch; quản lý cơ sở lưu trú du lịch; quản lý sự kiện và hoạt động vui chơi, giải trí; quản lý dịch vụ ăn uống chuyên nghiệp; quản lý dịch vụ vận chuyển khách du lịch; quản lý dịch vụ thể thao và giải trí; phát triển du lịch cộng đồng;

Một số nghề cụ thể theo danh mục nghề nghiệp Việt Nam:

+ Nhân viên và tư vấn viên du lịch (Đại lý vé máy bay; Tiếp viên; Nhân viên bán vé (du lịch); Nhân viên thông tin du lịch; Nhân viên đại lý du lịch; Nhân viên tư vấn du lịch; Nhân viên văn phòng du lịch) (4221);

+ Nhân viên hướng dẫn du lịch (5113); Nhân viên hướng dẫn khu thiên nhiên (51131); Nhân viên hướng dẫn công viên chủ đề (51132); Nhân viên hướng dẫn du lịch khác (như di tích lịch sử, bảo tàng) (51139);

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh:

Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu chung và cụ thể của Học viện để được nhận vào chương trình:

- **Đối với sinh viên Việt Nam:**

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bỏ túc THPT, trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức.

- Học sinh đã tốt nghiệp THPT và đạt các giải cao trong kì thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế về Công nghệ thông tin được xét tuyển thẳng.

- **Đối với sinh viên quốc tế (nếu có, vd SV Lào, Campuchia...):** Theo quy định chung của HV.

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

- **Triết lý giáo dục**

Learning by doing, học tập thông qua trải nghiệm, làm việc thực tế. học tập suốt đời thông qua quá trình học tập trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

- **Chiến lược dạy và học**

Chiến lược lấy người học làm trung tâm, phát huy tối đa tiềm năng và thể mạnh của người học. Xây dựng lộ trình học tập hiệu quả cả trong và ngoài lớp học. Hướng dẫn và tư vấn người học kịp thời để phát huy cao tinh thần tự học, tích cực tìm tòi, đổi mới, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu khoa học.

5. Phương pháp đánh giá Phương pháp đánh giá: từ đầu vào của CTĐT, đánh giá quá trình trong các học phần và đánh giá tổng kết, cuối kì, đánh giá đầu ra tuân theo quy định *Về dạy và học đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số: 1386/QĐ-HVN ngày 27 tháng 5 năm 2016 và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số: 2790/QĐ-HVN ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam* và chi tiết trong từng đề cương học phần.

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó qui đổi thành thang điểm 4. Thang điểm quy đổi đối với học phần như sau:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình

5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT với 45 tín chỉ đại cương, 18 tín chỉ cơ sở ngành, 87 tín chỉ chuyên ngành (60 tín chỉ bắt buộc, 27 tín chỉ tự chọn). Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với 2 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 6 tín chỉ kỹ năng mềm và thi chuẩn đầu ra tin học, chuẩn đầu ra B1 Tiếng Anh. Các học phần được sắp xếp trong 8 học kì, tương đương 4/5 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

7. Cấu trúc và nội dung chương trình

CÁC MÔN ĐẠI CƯƠNG (45 TC) CHÍNH TRỊ: 11 TC - BB

1. Triết học Mác – Lênin: 3 TC
2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 TC
3. Chủ nghĩa KHXH 2 TC
4. Tư tưởng HCM: 2 TC
5. Lịch sử Đảng CSVN: 2 TC

PHÁP LUẬT: 4 TC - BB

1. Pháp luật đại cương: 4 TC

NGOẠI NGỮ - 5TC - BB

1. Tiếng Anh 1: 2 TC
2. Tiếng Anh 2: 3TC

KHOA HỌC – XÃ HỘI (3 TC)

1. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng: 3TC

KHOA HỌC – TỰ NHIÊN, MÔI TRƯỜNG

1. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh: 4TC
2. Tổ chức và quản lý kinh tế: 3TC
3. Thương mại và hội nhập quốc tế 3TC
4. Sinh thái và môi trường 4TC
5. Nông nghiệp hiện đại: 4TC

KIẾN THỨC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (4TC - BB)

1. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số: 4 TC

KỸ NĂNG MỀM (6 TC) chọn 3 trong 10 học phần

1. Kỹ năng lãnh đạo: 2 TC
2. Kỹ năng QL bản thân: 2TC
3. KN tìm kiếm việc làm: 2TC
4. KN làm việc nhóm: 2 TC
5. KN hội nhập QT: 2TC
6. KN khởi nghiệp: 2TC
7. KN bán hàng: 2TC
8. KN thuyết trình: 2TC
9. KN làm việc với các bên liên quan: 2TC

CÁC MÔN CƠ BẢN KHỎI NGÀNH (CORE) 15 TC

BẮT BUỘC: 15 TC

1. Cơ sở văn hóa VN: 3TC
2. Nhập môn du lịch: 3 TC
3. Văn hóa du lịch: 3 TC
4. Địa lý du lịch: 3 TC
5. Phương pháp nghiên cứu khoa học: 3TC

CÁC MÔN ĐIỀU KIỆN

1. Giáo dục thể chất
2. Giáo dục quốc phòng
3. Tiếng Anh bổ trợ
4. Tiếng Anh hỗ trợ

TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ (10 TC)

1. Thực tập nghề nghiệp du lịch: 10 TC

TỰ CHỌN

(Chọn tối thiểu 14 tín chỉ)

1. Du lịch MICE: 3TC
2. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn: 4TC
3. Du lịch bền vững: 3TC
4. Phong tục tập quán VN: 3TC
5. Quản lý điểm đến du lịch: 3TC
6. Du lịch ẩm thực: 3TC
7. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong DL: 3TC
8. Tâm lý du khách: 3TC

Sơ đồ Block ngành Du lịch

CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH (MAJOR) 74TC

1. Kinh tế du lịch: 3TC
2. Marketing du lịch: 3TC
3. Kỹ năng tổ chức sự kiện: 3TC
4. Quản trị nguồn nhân lực du lịch: 3TC
5. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch: 3TC
6. Quản trị tài chính trong du lịch: 3TC
7. Tiếng Anh du lịch: 3TC

Định hướng DL Nông nghiệp, nông thôn

1. Du lịch nông nghiệp: 3TC
2. Phát triển du lịch sinh thái: 3TC
3. Phát triển du lịch cộng đồng: 3TC
4. Phát triển và quản lý trang trại du lịch: 3TC
5. Nghiệp vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn: 4TC

Định hướng Quản trị dịch vụ DL&LH

1. Quản trị kinh doanh lữ hành: 4TC
2. Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo: 3TC
3. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch: 3TC
4. Tuyển điểm du lịch VN: 3TC
5. Kinh doanh khách sạn và nhà hàng: 3TC

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP 10 TC

CỦ NHÂN
QL&PTDL

135 TÍN CHỈ

Khung Chương trình đào tạo

Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1. Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				HP tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành	Mã HP tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
				Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
	Thời gian đào tạo (năm)												
	Tổng số tín chỉ của ngành			135				135					
	KIẾN THỨC NỀN TẢNG CHUNG			61				61					
	Kiến thức chung và bổ trợ			45				45					
1	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	Philosophy of Marxism and Leninism	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
2	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political economy of Marxism and Leninism	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB		
2	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB		
3	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	The history of Vietnamese communist party	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB		
3	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh ideology	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB		
2	DN91034	Tiếng Anh 1	English 1	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB		
2	DN91035	Tiếng Anh 2	English 2	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
1	XH91001	Pháp luật đại cương	General law	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB		

1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Information technology and digital transformation	4.0	3.0	1.0	BB	4.0	3.0	1.0	BB		
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Psychology and community communication	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Entrepreneurship and business culture	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
2	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Organization and Economic Management	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Trade and international integration	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB		
1	TM91012	Sinh thái môi trường	Environmental ecology	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB		
1	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern agriculture	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB		
Kiến thức cơ bản khối ngành				16				16					
2	DN93015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific research methods	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
1	XH94028	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnamese cultural foundation	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
1	DN94102	Nhập môn du lịch	Introduction to tourism	3.0	2.0	1.0	BB	3.0	2.0	1.0	BB		
2	DN94100	Văn hóa du lịch	Cultural tourism	3.0	2.0	1.0	BB	3.0	2.0	1.0	BB		

1	DN94027	Địa lý du lịch (pp đồ án)	Tourism geography	4.0	3.0	1.0	BB	4.0	3.0	1.0	BB		
KIẾN THỨC NGÀNH				74				74					
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành cần xây dựng				48				48					
+ <i>Tín chỉ xây dựng chung cho các ngành trong khoa/khối ngành (tối thiểu)</i>													
2	DN94103	Kinh tế du lịch	Tourism economics	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
2	DN94104	Marketing du lịch	Tourism Marketing	3.0	2.0	1.0	BB	3.0	2.0	1.0	BB		
2	DN94025	Kỹ năng tổ chức sự kiện	Event management skills	3.0	1.5	1.5	BB	3.0	1.5	1.5	BB		
2	DN94105	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	Human resource management in tourism	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
3	DN94006	Phát triển sản phẩm du lịch	Tourism product development	3.0	1.5	1.5	BB	3.0	1.5	1.5	BB		
2	DN94107	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	Tourism service quality management	3.0	1.5	1.5	BB	3.0	1.5	1.5	BB		
3	DN94004	Quản trị tài chính trong du lịch	Financial management in tourism	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
	DN94036	Tiếng Anh Du lịch	English for tourism	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB		
<i>Số tín chỉ tự chọn tối thiểu</i>				14				14					
3	DN94026	Du lịch MICE	MICE tourism	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC		
3	DN94019	Nghệ vụ lễ tân khách sạn	Hotel reception skills	4.0	1.0	3.0	TC	4.0	1.0	3.0	TC		

3	DN94007	Du lịch thông minh	Smart tourism	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC		
3	DN94106	Phong tục tập quán Việt Nam	Vietnamese customs	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC		
3	DN94008	Du lịch bền vững	Sustainable tourism	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC		
4	DN94011	Quản lý điểm đến du lịch	Tourism destination management	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC		
4	DN94009	Du lịch ẩm thực	Culinary tourism	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC		
4	DN94010	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong du lịch	Innovation and entrepreneurship in tourism	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC		
3	DN94042	Tâm lý du khách	Tourist psychology	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC		
Thực tập Nghề nghiệp/Rèn nghề/Thực tập giáo trình				10			BB	10			BB		
4	DN94377	Thực tập nghề nghiệp Du lịch	Internship for Tourism	10	0.0	10.0	BB	10.0	0.0	10.0	BB		
Kiến thức ngành định hướng chuyên sâu: Chuyên ngành Du lịch nông nghiệp, nông thôn				16									
3	DN94110	Du lịch nông nghiệp	Agritourism	3.0	2.0	1.0	BB	-	-	-	-		
3	DN94111	Phát triển du lịch sinh thái	Ecotourism Development	3.0	1.5	1.5	BB	-	-	-	-		
4	DN94002	Phát triển du lịch cộng đồng	Community based tourism development	3.0	1.5	1.5	BB	-	-	-	-		

4	DN94108	Phát triển và quản lý trang trại du lịch	Development and management of farm tourism	3.0	1.0	2.0	BB	-	-	-	-		
4	DN94109	Nghiệp vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn	Rural and agricultural tourism business	4.0	1.0	3.0	BB	-	-	-	-		
Kiến thức ngành định hướng chuyên sâu: Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành								16					
4	DN94112	Quản trị kinh doanh lữ hành	Travel Business Administration	-	-	-	-	4.0	3.0	1.0	BB		
4	DN94020	Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	Tour guiding and animation profession	-	-	-	-	3.0	1.5	1.5	BB		
3	DN94021	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Designing and Operating Tourism programs	-	-	-	-	3.0	1.5	1.5	BB		
3	DN94012	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Vietnam tourist route	-	-	-	-	3.0	1.5	1.5	BB		
4	DN94005	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng	Hotels and restaurants management	-	-	-	-	3.0	2.0	1.0	BB		
4	DN94495	Khoá luận tốt nghiệp Du lịch	Undergraduate Thesis in Tourism	10.0	0.0	10.0	BB	10.0	0.0	10.0	BB		

*** Học phần kỹ năng mềm**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC
KN01008	Kỹ năng bán hàng	2	TC
KN01009	Kỹ năng thuyết trình	2	TC
KN01010	Kỹ năng làm việc với các bên liên quan	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Giáo dục thể chất và quốc phòng**

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần tiên quyết	BB/ TC
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1.0		PCBB
	GT01017	Điền kinh	1.0		PCBB
	GT01018	Thể dục Aerobic	1.0		PCBB
	GT01019	Bóng đá	1.0		PCBB
	GT01020	Bóng chuyền	1.0		PCBB
	GT01021	Bóng rổ	1.0		PCBB
	GT01022	Cầu lông	1.0		PCBB
	GT01023	Cờ vua	1.0		PCBB
	GT01014	Khiêu vũ	1.0		PCBB
	GT01015	Bơi	1.0		PCBB
	GT01024	Golf	1.0		PCBB
	GT01025	Yoga	1.0		PCBB
Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng – an ninh của Đảng	3.0		PCBB
	QS01012	Công tác quốc phòng và an ninh	2.0		PCBB
	QS01013	Quân sự chung	2.0		PCBB
	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4.0		PCBB
Tổng số					

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn, PCBB: phải chọn bắt buộc

* **Chuẩn trình độ công nghệ thông tin**

Căn cứ theo QĐ số 3566/QĐ-HVN ngày 18 tháng 07 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc phê duyệt đề án Chuẩn trình độ Công nghệ thông tin Học viện Nông nghiệp Việt Nam áp dụng cho sinh viên đại học từ khóa K69:

Sinh viên được xác định là đạt chuẩn đầu ra CNTT nếu đạt cả 2 mức cơ bản và mức chuyên ngành:

❖ **Mức cơ bản:** Đạt khi có 1 trong các điều kiện sau:

- + Điểm môn TH91084 CNTT và Chuyển đổi số (đã có trong CTDT) ≥ 5.5
- + Điểm môn TH91084 từ 4.0 đến 5.4 và có thêm 01 chứng chỉ Tin học: Chứng chỉ Tin học Quốc tế ICDL hoặc Ứng dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03 do Hội đồng thi Học viện sát hạch.
- + Đạt điểm trung bình ≥ 5.5 đối với kỳ thi CĐR mức cơ bản do Học viện tổ chức.

❖ **Mức Chuyên ngành:** Đạt khi có 1 trong các điều kiện sau:

- + Đạt điểm ≥ 5.5 đối với một trong các Học phần:

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
ICT94001	CNTT ứng dụng trong Nông nghiệp	3	TC
ICT94002	CNTT ứng dụng trong Quản lý tài nguyên và môi trường	3	TC
ICT94003	CNTT ứng dụng trong Kinh tế - Xã hội	3	TC

- + Đạt điểm trung bình ≥ 5.5 đối với kỳ thi CĐR mức chuyên ngành do Học viện tổ chức.

* **Chuẩn trình độ ngoại ngữ**

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-HVN ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về phê duyệt “Đề án Ngoại ngữ (Tiếng Anh) Học viện Nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016-2021” và Quyết định số 6786/QĐ-HVN ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc tiếp tục thực hiện Đề án Ngoại ngữ giai đoạn 2016-2021 tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

8. Kế hoạch học tập

Năm thứ 1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 – Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2 – Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
1	XH91001	Pháp luật đại cương	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB	
1	DN94102	Nhập môn du lịch	3.0	2.0	1.0	BB	3.0	2.0	1.0	BB	
1	XH94028	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	1.0	0.5	0.5	PCBB	1.0	0.5	0.5	PCBB	
1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1.0	0.5	0.5	PCBB	1.0	0.5	0.5	PCBB	
2	DN94104	Marketing du lịch	3.0	2.0	1.0	BB	3.0	2.0	1.0	BB	
2	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB	
2	TM91012	Sinh thái môi trường	4.0	4.0	0.0	BB	4.0	4.0	0.0	BB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 – Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2 – Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
2	DN94027	Địa lý du lịch (pp đồ án)	4.0	3.0	1.0	BB	4.0	3.0	1.0	BB	
2	XH91047	Triết học Mac - Lenin	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
2	DN91039	Tiếng Anh 0	2.0	2.0	0.0	PCBB	2.0	2.0	0.0	PCBB	
2	KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01008/ KN01009/ KN01010	Kỹ năng mềm: 90 tiết (Chọn 3 trong 8 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng hội nhập Kỹ năng bán hàng, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng làm việc với các bên liên quan)	2.0	2.0	0.0	PCBB	2.0	2.0	0.0	PCBB	
Tổng số tín chỉ bắt buộc			42								
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			0								
Tín chỉ Tiếng Anh bổ trợ/Tiếng Anh 0			3								

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 – Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2 – Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
3	DN94100	Văn hóa du lịch	3.0	2.0	1.0	BB	3.0	2.0	1.0	BB	
3	DN94103	Kinh tế du lịch	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB	
3	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB	
3	DN91034	Tiếng Anh 1	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB	
3	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 11 HP: Điền Kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu long, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	1.0	1.0	0.0	PCBB	1.0	1.0	0.0	PCBB	
3	QS01011	Đường lối quân sự của Đảng	3.0	3.0	0.0	PCBB	3.0	3.0	0.0	PCBB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 – Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2 – Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
3	QS01012	Công tác quốc phòng -an ninh	2.0	2.0	0.0	PCBB	2.0	2.0	0.0	PCBB	
4	DN94107	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	3.0	1.5	1.5	BB	3.0	1.5	1.5	BB	
4	DN93015	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
4	XH91075	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB	
4	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	2.0	0.0	BB	2.0	2.0	0.0	BB	
4	DN91035	Tiếng Anh 2	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
4	QS01013	Quân sự chung	2.0	1.0	1.0	PCBB	2.0	1.0	1.0	PCBB	
4	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4.0	0,3	3,7	PCBB	4.0	0,3	3,7	PCBB	
4	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/	Giáo dục thể chất (Chọn 1 trong 11 HP: Điền Kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu long, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	1.0	1.0	0.0	PCBB	1.0	1.0	0.0	PCBB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 – Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2 – Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
	GT01024/ GT01025										
Tổng số tín chỉ bắt buộc			28								
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			0								

Năm thứ 3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 – Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2 – Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
5	DN94015	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
5	DN94004	Quản trị tài chính trong du lịch	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
5	DN94025	Kỹ năng tổ chức sự kiện	3.0	1.5	1.5	BB	3.0	1.5	1.5	BB	
5	DN94036	Tiếng Anh du lịch	3.0	3.0	0.0	BB	3.0	3.0	0.0	BB	
5	DN94006	Phát triển sản phẩm du lịch	3.0	1.5	1.5	BB	3.0	1.5	1.5	BB	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 – Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2 – Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
5	DN94008	Du lịch bền vững	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC	
5	DN94019	Nghiep vụ lễ tân khách sạn	4.0	1.0	3.0	TC	4.0	1.0	3.0	TC	
5	DN94007	Du lịch thông minh	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	
5	DN94106	Phong tục tập quán Việt Nam	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC	
6	DN94110	Du lịch nông nghiệp	3.0	2.0	1.0	BB	-	-	-	-	
6	DN94111	Phát triển du lịch sinh thái	3.0	1.5	1.5	BB	-	-	-	-	
6	DN94377	Thực tập nghề nghiệp du lịch (pp đồ án)	10.0	0.0	10.0	BB	10.0	0.0	10.0	BB	
6	DN94021	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (pp đồ án)	-	-	-	-	3.0	1.5	1.5	BB	
6	DN94012	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	-	-	-	-	3.0	1.5	1.5	BB	
6	DN94042	Tâm lý du khách	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	
6	DN94026	Du lịch MICE	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC	
Tổng số tín chỉ bắt buộc			31				31				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			8				8				

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1 – Du lịch nông nghiệp, nông thôn				Chuyên sâu 2 – Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/Học phần song hành
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/ TC	
7	DN94002	Phát triển du lịch cộng đồng (pp đồ án)	3.0	1.5	1.5	BB	-	-	-	-	
7	DN94108	Phát triển và quản lý trang trại du lịch	3.0	1.0	2.0	BB	-	-	-	-	
7	DN94109	Nghệp vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn	4.0	1.0	3.0	BB	-	-	-	-	
7	DN94020	Nghệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch (pp đồ án)	-	-	-	-	3.0	1.5	1.5	BB	
7	DN94112	Quản trị kinh doanh lữ hành	-	-	-	-	4.0	3.0	1.0	BB	
7	DN94005	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng	-	-	-	-	3.0	2.0	1.0	BB	
7	DN94009	Du lịch ẩm thực	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC	
7	DN94010	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong du lịch	3.0	3.0	0.0	TC	3.0	3.0	0.0	TC	
7	DN94011	Quản lý điểm đến du lịch	3.0	2.0	1.0	TC	3.0	2.0	1.0	TC	
8	DN94495	Khoá luận tốt nghiệp Du lịch	10	0.0	10	BB	10	0.0	10	BB	
Tổng số tín chỉ bắt buộc			20				20				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			6				6				

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 121

Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu: 14

Tổng số tín chỉ trong CTĐT: 135

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Khối kiến thức đại cương

XH91001. Pháp luật đại cương (Introduction to laws). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết).

Nội dung: Học phần được chia thành hai nội dung chính: **Phần 1: Kiến thức pháp luật cơ bản**, bao gồm: Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. **Phần 2: Ứng dụng pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp**, bao gồm: nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên – môi trường; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực trồng trọt và kiểm định thực vật; nội dung cơ bản của pháp luật trong lĩnh vực chăn nuôi. **Tên chương:** Chương 1: Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật; Chương 2: Nội dung cơ bản của Luật Hiến pháp và Luật Hành chính; Chương 3: Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Tố tụng dân sự; Chương 4: Nội dung cơ bản của Luật Hình sự và Tố tụng hình sự; Chương 5: Nội dung cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Lao động; Chương 6: Nội dung cơ bản của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; Chương 7: Áp dụng pháp luật Tài nguyên – Môi trường; Chương 8: Nội dung cơ bản của Luật Trồng trọt, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Chương 9: Nội dung cơ bản của Luật Chăn nuôi. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Hướng dẫn bài tập nhóm; Giảng dạy trực tuyến; Giảng dạy qua tình huống. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự nhóm – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60% . **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

TH91084. Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số (Information technology and digital transformation) (4TC: 4-0-12). Học phần này gồm các nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365.

KE91028. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh (Entrepreneurship and Business Culture). (4TC: 4 – 0 - 138 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 02 phần và 10 chương. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 chương): Giới thiệu chung về khởi nghiệp và VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh trong KN; Gọi vốn KN; Văn hóa kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- KN trong nông nghiệp (3 chương): Mô hình KN nông

ng nghiệp trong nông nghiệp; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ sinh học; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa vào tình huống (case study); Hướng dẫn thảo luận; Hướng dẫn bài tập. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần -60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không;

DN91027. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (Psychology and Public Communication). (3TC: 3 – 0 - 105 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm: Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người; Các kỹ năng giao tiếp trước công chúng; Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Ứng dụng diễn thuyết cho các hoạt động nghề nghiệp. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Sử dụng câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện truyền thông đa phương tiện (Zoom, MS Teams...). **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không;

KE91063. Thương mại và hội nhập quốc tế (International Trade and Integration). (3TC: 3 – 0 - 102 tiết). **Nội dung và Tên chương:** Hội nhập quốc tế; Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hệ thống thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Tài chính trong thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất nông sản cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng; Dạy học dựa trên vấn đề; Thảo luận nhóm. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Bài tập nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

NH91012. Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 6 chương: (1) Giới thiệu về nông nghiệp hiện đại; (2) Công nghệ sinh học trong nông nghiệp hiện đại; (3) Cơ giới hoá và tự động hoá trong nông nghiệp hiện đại; (4) Mô hình sản xuất cây trồng hiện đại; (5) Mô hình chăn nuôi hiện đại; (6) Mô hình thủy sản hiện đại. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy; Đặt câu hỏi động não; Giảng dạy thông qua thảo luận; Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

TM91012. Sinh thái và môi trường (Ecology and Environment). (4TC: 4 – 0 - 140 tiết). *Nội dung:* Học phần này gồm 3 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Các hệ sinh thái chính; (2) Khoa học môi trường: Khái niệm về môi trường và tài nguyên; Môi trường và phát triển bền vững; Tài nguyên và môi trường nước, đất, không khí, rừng và sinh vật; (3) Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong sản xuất nông nghiệp. *Tên chương:* Chương 1: Giới thiệu chung về sinh thái học; Chương 2: Sinh thái học quần thể; Chương 3: Sinh thái học quần xã; Chương 4: Hệ sinh thái; Chương 5: Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững; Chương 6: Tài nguyên môi trường nước và đất; Chương 7: Tài nguyên môi trường không khí, rừng và sinh vật; Chương 8: Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong trồng trọt; Chương 9: Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Diễn giảng có kết hợp với minh họa; Thảo luận với câu hỏi mở; Nêu vấn đề (problem-solving); Hướng dẫn làm tiểu luận nhóm; Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu; Dạy học trên hệ thống VNUA-LMS. *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi trắc nghiệm – 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không;

XH91047. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism). (3TC: 3 – 0 - 105 tiết). *Nội dung/ Tên chương:* Học phần gồm 3 chương: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề; Giảng dạy Online trên phần mềm LMS. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không.

KT91043. Tổ chức và quản lý kinh tế (Economic organization and management). (3TC: 3 – 0 - 100 tiết). *Nội dung:* Kiến thức và tư duy về kinh tế thị trường; Ra quyết định trong kinh tế; Công tác kế hoạch; Tổ chức nguồn lực cho hoạt động kinh tế; Quản lý và điều hành các hoạt động kinh tế; Marketing và xúc tiến thương mại; Giám sát, đánh giá và cải thiện đầu tư. *Tên chương:* . *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; Tổ chức học tập trực tuyến. *Phương pháp đánh giá:* Tham dự lớp - 10%; Thảo luận nhóm – 30%; Thi cuối kỳ - 60%. *Học phần tiên quyết:* Không; *Học phần song hành:* Không.

XH91061. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political Economy of Marxism And Leninism). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). *Nội dung/ Tên chương:* Học phần này gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin;

Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91062. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific Socialism). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm 07 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. **Phương pháp giảng dạy** Thuyết trình; Đàm thoại gợi mở; Phát vấn. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp và tham gia các hoạt động học tập, trao đổi trên lớp – 10%; Kiểm tra giữa kỳ - 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91075. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung/ Tên chương:** Học phần này gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- đến nay). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng kết hợp với nêu vấn đề; Hướng dẫn thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm; Hướng dẫn tự học; Xem phim tư liệu. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu luận nhóm – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không.

XH91076. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology). (2TC: 2 – 0 - 70 tiết). **Nội dung:** tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Học phần bao gồm 6 chương gồm nhiều nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về: cách mạng, nhà nước, Đảng, đại đoàn kết, văn hoá, giáo dục... . **Tên chương:** . **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; nêu tình huống; thăm quan thực tế, làm việc nhóm; truyền thông đa phương tiện. **Phương pháp đánh giá:** Tham dự lớp – 10%; Tiểu

luận – 30%; Thi kết thúc học phần – 60%. **Học phần tiên quyết:** Không; **Học phần song hành:** Không %;

9.2 Khối kiến thức khối ngành

DN93015. Phương pháp nghiên cứu khoa học (Tổng số tín chỉ 03: Tổng số tín chỉ lý thuyết 03- Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 09).

Học phần gồm các nội dung: Tổng quan về nghiên cứu khoa học, Quá trình nghiên cứu, Thiết kế nghiên cứu, Phương pháp thu thập và xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học, Phương pháp phân tích thông tin trong nghiên cứu khoa học, Hướng dẫn viết báo cáo khoa học và khóa luận tốt nghiệp.

XH94028. Cơ sở văn hóa Việt Nam (Vietnamese cultural foundation) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm những nội dung chính: Khái niệm và đặc trưng văn hóa, các thành tố của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam, Văn hóa tộc người, Hệ giá trị văn hóa Việt Nam và Sự biến đổi văn hóa trong bối cảnh ảnh hưởng của toàn cầu hóa

DN94102. Nhập môn du lịch (Fundamentals of Tourism) (3TC: 3-0-9) Học phần bao gồm: Lịch sử phát triển ngành du lịch; Khái niệm, vai trò và ý nghĩa của du lịch trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường; Các loại hình và sản phẩm du lịch phổ biến; Tài nguyên du lịch; Hành vi và nhu cầu của khách du lịch; Cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động trong du lịch; Các xu hướng phát triển du lịch hiện nay.

DN94027 - Địa lý du lịch (Tourism geography) (4 TC: 03 -01-12). Học phần này gồm các kiến thức về: Lịch sử hình thành, phát triển và vai trò của địa lý du lịch; Hệ thống lãnh thổ du lịch và hệ thống du lịch; Địa lý cầu du lịch; Địa lý điểm đến du lịch; Địa lý dòng khách và giao thông vận tải du lịch; Tổ chức không gian du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch theo lãnh thổ; Tiềm năng, thực trạng và tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam.

9.3. Khối kiến thức ngành và cốt lõi ngành

DN94100: Văn hóa du lịch (Tourism Culture). Tổng số TC: 03 (02 lý thuyết – 01 thực hành – 09 tự học) Học phần cung cấp những kiến thức về những vấn đề lý luận cơ bản của văn hoá du lịch như các khái niệm cơ bản, các vấn đề liên quan, các cách phân loại và các thành tố của văn hóa, nguồn gốc và đặc điểm của văn hóa, thuộc tính và bản chất văn hóa nói chung, văn hóa du lịch nói riêng; các thành tố văn hóa vật thể và phi vật thể được khai thác trong du lịch bao gồm kiến trúc, mỹ thuật, ẩm thực, cảnh quan văn hóa và bảo tàng văn hóa, các thành tố văn hóa phi vật thể như tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lễ hội; các lĩnh vực và hình thức du lịch văn hóa chủ yếu; những nội dung cơ bản của văn hóa kinh doanh du lịch và văn hóa quản lý du lịch; những nội dung thiết yếu của bảo vệ văn hóa trong phát triển du lịch bền vững.

DN94103. Kinh tế du lịch (Tourism Economics) (3 TC: 03 -00-09). Học phần này gồm các nội dung chính như: Khái quát về ngành du lịch; Thị trường du lịch (cung

và cầu về du lịch); Cân cân thanh toán trong du lịch; Đầu tư du lịch; Lao động và vốn kinh doanh du lịch; Chi phí và lợi nhuận kinh doanh du lịch; Hiệu quả kinh tế - xã hội của du lịch; Quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch.

DN94104. Marketing du lịch (Tourism Marketing) (3TC: 2 – 1- 9). Học phần này bao gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về marketing và marketing du lịch; Quản lý thông tin trong marketing du lịch; Hành vi khách hàng trong du lịch; Quyết định về thiết kế và quản trị sản phẩm du lịch; Quyết định về giá trong doanh nghiệp du lịch; Quyết định về phân phối và trao giá trị cho du khách; Quyết định về xúc tiến hỗn hợp của doanh nghiệp du lịch trong thời đại số.

DN94025: Kỹ năng tổ chức sự kiện. Tổng số TC: 03 (1.5 lý thuyết-1.5 thực hành- 09 tự học). Học phần này gồm những nội dung chính: Bản chất của tổ chức hoạt động sự kiện; Dự toán ngân sách và lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Tổ chức, tính toán thời gian và danh sách khách mời; Địa điểm, không gian tổ chức sự kiện; Tổ chức đưa đón khách tới sự kiện; Tổ chức ăn uống trong sự kiện.

DN94105. Quản trị nguồn nhân lực du lịch (Human Resource Management in tourism). (3TC : 3 – 0 - 6). Học phần này gồm: Tổng quan về Quản trị nguồn nhân lực du lịch; Hoạch định nguồn nhân lực du lịch; Phân tích công việc du lịch; Tuyển dụng nguồn nhân lực du lịch; Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực du lịch; Đánh giá thực hiện công việc du lịch; Tạo động lực lao động du lịch; Thù lao lao động.

DN94006: Phát triển sản phẩm du lịch (Tourism product development). Tổng số TC: 03 (1.5 lý thuyết-1.5 thực hành- 09 tự học).

Học phần này gồm những nội dung chính: Giới thiệu những vấn đề cơ bản về phát triển sản phẩm du lịch bao gồm các kiến thức tổng quan về sản phẩm du lịch, các đặc tính các yếu tố cơ bản của sản phẩm du lịch, đánh giá ý tưởng sản phẩm du lịch mới; phát triển sản phẩm du lịch; Quản trị chu kỳ sống sản phẩm du lịch.

DN94021: Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (3 tín chỉ: 1.5-1.5-9) Học phần này gồm: Tổng quan về kinh doanh lữ hành; Thiết kế và định giá chương trình du lịch; Tổ chức xúc tiến và bán chương trình du lịch; Tổ chức, thực hiện, và điều hành chương trình du lịch; và Quản lý chất lượng chương trình du lịch.

DN91036: English for Tourism (Total credits 03; lecture: 03 - practice : 0 - self-study: 09).

Brief description of the course: This course consists of 8 units about the different topics including World Tourism (Unit 1), Jobs in tourism (Unit 2), Visitor centres (Unit 3), Package tours (Unit 4), Hotels (Unit 5), Food and Beverage (Unit 6), Nature tourism (Unit 7), Air travel (Unit 8). In each unit, vocabulary and skills related to Tourism are provided and practiced by students through different sections: Grammar, Vocabulary, Professional skills and Case Study.

DN94004. Quản trị tài chính trong du lịch (Financial Management in Tourism). (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm: Tổng quan về quản trị tài chính trong du lịch; Nguyên lý giá trị thời gian của tiền và dòng tiền; Phân tích tài chính trong du lịch; Kế hoạch tài chính trong du lịch; Huy động vốn trong du lịch

DN94026: Du lịch MICE. (MICE tourism) Tổng số TC: 03 (02 lý thuyết-01TH-09 tự học): Học phần này gồm các nội dung về: Tổng quan MICE trong du lịch; Lập ngân sách và lập kế hoạch cho một hội nghị, hội thảo; Kế hoạch marketing và bán dịch vụ MICE; Thực hiện cung ứng dịch vụ MICE; Áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị MICE.

DN94019: Nghiệp vụ lễ tân khách sạn. (Hotel reception skills) Tổng số TC: 03 (1.0 lý thuyết – 2.0 thực hành – 09 tự học)

Học phần này gồm những nội dung chính: Học phần Nghiệp vụ lễ tân khách sạn cung cấp cho người học những kiến thức về nghiệp vụ lễ tân khách sạn. Giới thiệu một cách khái quát nhất về cơ cấu tổ chức và những hoạt động ở bộ phận lễ tân khách sạn trong khách sạn. Học phần giúp người học rèn luyện các kỹ năng cơ bản về các nghiệp vụ lễ tân như đặt buồng, đăng ký khách sạn, phục vụ khách trong thời gian lưu trú, thanh toán và phục vụ khách rời khách sạn.

DN94007. Du lịch thông minh (Smart Tourism) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm những nội dung chính: Khái niệm và đặc trưng của du lịch thông minh; Ứng dụng công nghệ số trong du lịch ; Hệ sinh thái du lịch thông minh và các thành phần chính; Quản lý và vận hành điểm đến thông minh; Trải nghiệm du lịch cá nhân hóa dựa trên dữ liệu; Ứng dụng thanh toán điện tử và nền tảng số trong du lịch; Chiến lược phát triển du lịch thông minh và xu hướng toàn cầu.

DN94106. Phong tục tập quán Việt Nam (Vietnamese customs) (3TC: 2-1-9). Học phần này gồm những nội dung chính: Các khái niệm, vai trò của phong tục tập quán, các nghi lễ quan trọng như sinh con, cưới hỏi, tang ma, cùng những phong tục trong lễ hội, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và sản xuất nông nghiệp. Môn học cũng phân tích quy tắc giao tiếp, ứng xử trong gia đình và xã hội, đặc trưng phong tục của các dân tộc thiểu số, cũng như sự biến đổi của tập quán dưới tác động của hiện đại hóa.

DN94008. Du lịch bền vững (Sustainable Tourism) (3TC: 2.0-1.0-9). Học phần này gồm những nội dung chính: Lý thuyết du lịch bền vững. Sản phẩm du lịch bền vững. Quy định pháp lý về bảo vệ môi trường. Du lịch bền vững và môi trường. Du lịch bền vững và kinh tế. Du lịch bền vững và xã hội. Du lịch bền vững và cộng đồng địa phương. Đánh giá phát triển du lịch bền vững

DN94011: Quản lý điểm đến du lịch (Tourism destination management) (3TC: 3 – 0 – 9)

Học phần này gồm những nội dung chính: Tổng quan về điểm đến du lịch (khái niệm về điểm đến du lịch, Các loại hình điểm đến du lịch, Vai trò của điểm đến trong chuỗi

giá trị du lịch); Lập kế hoạch điểm đến du lịch (Phân tích điểm đến du lịch; Xác định tầm nhìn và chiến lược cho điểm đến du lịch; Kế hoạch hành động phát triển du lịch); Tổ chức quản lý điểm đến du lịch; Quản lý rủi ro & Phát triển bền vững điểm đến du lịch.

DN94009. Du lịch ẩm thực (Culinary Tourism) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm những nội dung chính: Tổng quan về du lịch ẩm thực và vai trò của ẩm thực trong ngành du lịch; Ảnh hưởng của văn hóa, lịch sử và địa lý đến ẩm thực vùng miền; Các điểm đến du lịch ẩm thực nổi bật trong nước và quốc tế; Xây dựng sản phẩm du lịch ẩm thực; Thiết kế trải nghiệm du lịch ẩm thực; Xu hướng phát triển du lịch ẩm thực bền vững; Tiếp thị và quản lý thương hiệu trong du lịch ẩm thực; Phân tích tác động kinh tế – xã hội của du lịch ẩm thực.

DN94010: Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp du lịch (Innovation and entrepreneurship in tourism). Tổng số TC: 03 (03 lý thuyết – 0 thực hành – 09 tự học) Học phần này gồm: kiến thức về những vấn đề lý luận cơ bản của đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong du lịch như các khái niệm cơ bản, vai trò của đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp du lịch, phát triển kỹ năng và thái độ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong du lịch, phát triển và kiểm chứng các ý tưởng đổi mới và khởi nghiệp du lịch, đổi mới sáng tạo trong chuyên đổi số du lịch, mô hình kinh doanh và kế hoạch chiến lược trong kinh doanh du lịch, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong Marketing và Thương hiệu trong du lịch.

DN94042. Tâm lý du khách (Tourist psychology) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm: Tổng quan về tâm lý du khách. Động cơ và nhu cầu du lịch. Hành vi tiêu dùng du lịch và quá trình ra quyết định của du khách. Đặc trưng tâm lý của khách du lịch (theo nhóm đối tượng, các tình huống đặc biệt, các loại hình du lịch đặc thù.). Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với du khách. Nhận diện và quản lý hành vi tiêu cực của du khách. Ứng dụng tâm lý học vào dịch vụ du lịch

DN94377. Thực tập nghề nghiệp du lịch (Internship for Tourism) (10TC: 0 – 10- 30). Học phần này gồm: Sinh viên tiến hành đợt thực hành nghề nghiệp tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch như: Khách sạn, khu nghỉ dưỡng, Công ty lữ hành, đại lý du lịch, Nhà hàng, khu vui chơi giải trí, Trung tâm thông tin du lịch, Các tổ chức quản lý du lịch địa phương. Trong đợt thực hành nghề nghiệp, sinh viên cần đạt về: Kiến thức (hiểu được quy trình hoạt động thực tế của các bộ phận trong doanh nghiệp du lịch, hiểu biết về các sản phẩm dịch vụ, nắm bắt xu hướng thị trường, hiểu biết về văn hoá doanh nghiệp và quy định pháp luật,); Kỹ năng (các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm); Thái độ (chủ động, tích cực, chuyên nghiệp, kỷ luật)

DN94020 - Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 1.5 – Tổng số tín chỉ thực hành 1.5 – Tổng số tín chỉ tự học 9)

Học phần này gồm: Sự ra đời và phát triển của nghề hướng dẫn du lịch trên thế giới và ở Việt Nam; Yêu cầu, vai trò, nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch; Nghiệp vụ tổ chức,

chuẩn bị hoạt động du lịch; hướng dẫn du lịch và các hoạt động hoạt náo trong hướng dẫn du lịch

DN94107. Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (Tourism service quality management) (3TC: 1.5-1.5-9). Học phần này gồm: Tổng quan về chất lượng dịch vụ, các mô hình quản trị và các yếu tố ảnh hưởng như nhân lực, cơ sở hạ tầng, công nghệ. Môn học cũng đề cập đến các chiến lược nâng cao chất lượng dịch vụ, hệ thống quản lý chất lượng và áp dụng trong các lĩnh vực như khách sạn, lữ hành, nhà hàng, điểm tham quan. Ngoài ra, sinh viên sẽ được thực hành phân tích tình huống thực tế, lập kế hoạch cải thiện chất lượng và nghiên cứu khách hàng, từ đó nâng cao trải nghiệm du lịch và tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

DN94110: Du lịch nông nghiệp (Agritourism) (3 TC: 02 -01-09): Học phần này gồm: Tổng quan về du lịch nông nghiệp. Chính sách và khung pháp lý về du lịch nông nghiệp. Tài nguyên và sản phẩm du lịch nông nghiệp. Tổ chức và quản lý du lịch nông nghiệp. Phát triển du lịch nông nghiệp bền vững. Marketing và xúc tiến du lịch nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ số và đổi mới sáng tạo trong du lịch nông nghiệp. Đánh giá kết quả và hiệu quả của du lịch nông nghiệp, Thực hành và nghiên cứu thực tế.

DN94111. Phát triển du lịch sinh thái (Eco-tourism Development) (3TC: 1.5-1.5-9) Học phần này gồm: Kiến thức về các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái, bao gồm: Tổng quan về du lịch sinh thái và vai trò của nó trong phát triển bền vững; Nguồn lực phát triển du lịch sinh thái; Quy hoạch và phát triển sản phẩm du lịch sinh thái; Tổ chức hoạt động du lịch sinh thái và quản lý chất lượng dịch vụ; Tiếp thị du lịch sinh thái; Các vấn đề về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa; Quản trị rủi ro và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch sinh thái.

DN94002: Du lịch Cộng đồng. Tổng số TC: 03 (1.5 lý thuyết – 1.5 thực hành – 09 tự học) Học phần này bao gồm: Tổng quan về du lịch cộng đồng; Nguồn lực phát triển du lịch cộng đồng; Lập kế hoạch kinh doanh du lịch cộng đồng; Phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng; Tổ chức quản lý hoạt động du lịch cộng đồng; Tiếp thị du lịch cộng đồng; Quản lý chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng; Đối phó với khủng hoảng trong du lịch cộng đồng.

DN94108: Phát triển và quản lý trang trại du lịch (Development and management of tourism farm) (Tổng số TC 03: 01 lý thuyết – 02 thực hành – 09 tự học). Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng về phát triển và quản lý các mô hình trang trại du lịch trong bối cảnh phát triển bền vững. Người học sẽ được tìm hiểu về các loại hình trang trại kết hợp du lịch, phương pháp thiết kế sản phẩm trải nghiệm, tổ chức và vận hành dịch vụ, truyền thông – marketing và liên kết cộng đồng. Thông qua các tình huống mô phỏng và bài tập thực hành thực tế, học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức vào xây dựng mô hình trang trại du lịch cụ thể.

DN94109: Nghiệp vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn (Rural and Agricultural Tourism Business) (Tổng số TC 04: 01 lý thuyết – 03 thực hành – 12 tự học). Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng ứng dụng trong tổ chức và vận hành các hoạt động du lịch nông nghiệp, nông thôn – một xu hướng phát triển gắn với không gian sống, sản xuất và văn hóa của cộng đồng địa phương. Nội dung học phần bao gồm việc hướng dẫn sinh viên thực hành các nghiệp vụ cơ bản trong du lịch nông nghiệp như: Nghiệp vụ khảo sát – đánh giá tài nguyên nông nghiệp, nông thôn phục vụ du lịch; Nghiệp vụ đón tiếp – hướng dẫn khách tham quan và trải nghiệm; Nghiệp vụ tổ chức hoạt động trải nghiệm: làm nông, chế biến món ăn, trò chơi dân gian, tham quan làng nghề; Nghiệp vụ nấu ăn một số món ăn cơ bản – phục vụ bữa ăn truyền thống từ nguyên liệu địa phương; Nghiệp vụ buồng phòng – chuẩn bị không gian lưu trú tại farmstay, homestay; Nghiệp vụ vệ sinh môi trường – đảm bảo an toàn cho du khách và cảnh quan nông nghiệp; Nghiệp vụ truyền thông – quảng bá sản phẩm du lịch nông nghiệp trên các nền tảng số; Nghiệp vụ phối hợp cộng đồng – xây dựng mô hình liên kết nông dân, chính quyền và doanh nghiệp; Nghiệp vụ hướng dẫn thăm quan, trải nghiệm,... Học phần được triển khai theo định hướng thực hành chiếm tỷ trọng lớn, giúp người học từng bước làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, phát triển tư duy thiết kế sản phẩm, vận hành mô hình và khởi tạo ý tưởng du lịch nông nghiệp tại địa phương.

DN94011: Quản lý điểm đến du lịch (Tourism destination management) (3TC: 3-0-9)

Học phần này gồm những nội dung chính: Tổng quan về điểm đến du lịch (khái niệm về điểm đến du lịch, Các loại hình điểm đến du lịch, Vai trò của điểm đến trong chuỗi giá trị du lịch); Lập kế hoạch điểm đến du lịch (Phân tích điểm đến du lịch; Xác định tầm nhìn và chiến lược cho điểm đến du lịch; Kế hoạch hành động phát triển du lịch); Tổ chức quản lý điểm đến du lịch; Quản lý rủi ro & Phát triển bền vững điểm đến du lịch.

DN94112: Quản trị kinh doanh lữ hành (Travel Business Administration) (4TC: 3-1-12).

Học phần bao gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về hoạt động lữ hành (những khái niệm cơ bản của hoạt động lữ hành, hoạt động lữ hành hiện nay, xu hướng phát triển của dịch vụ lữ hành); Môi quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành và các nhà cung cấp các hàng hoá, dịch vụ; Quản lý hoạt động lữ hành (xây dựng tuyến hành trình cơ bản và tuyến tham quan, xây dựng lịch trình chi tiết, xây dựng phương án vận chuyển, lưu trú, ăn uống, xây dựng giá cả, tổ chức truyền thông, sắp xếp hướng dẫn và lái xe); Ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong hoạt động kinh doanh lữ hành

DN94005. Kinh doanh khách sạn và nhà hàng (Hotel and Restaurant Operations Management). (3TC: 2-1-9). Học phần này gồm: Tổng quan về kinh doanh khách sạn & nhà hàng; Cơ cấu tổ chức khách sạn và nhà hàng; Giám đốc khách sạn và

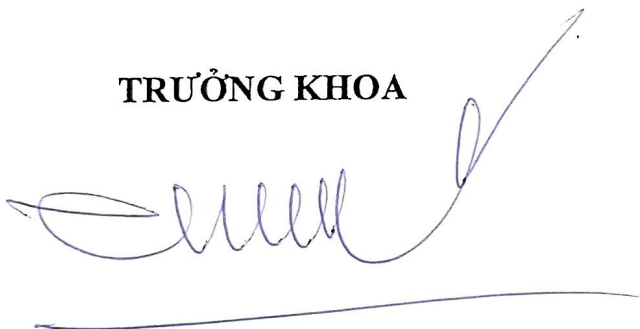
giám đốc nhà hàng; Quản lý buồng phòng và nghiệp vụ buồng phòng khách sạn; Quản lý kỹ thuật và an ninh khách sạn nhà hàng; Quản trị dịch vụ nhà hàng; Marketing khách sạn và nhà hàng; Quản lý thông tin và tài chính khách sạn và nhà hàng.

DN94012. Tuyến điểm du lịch Việt Nam (Vietnam Tourist Routes and Destinations) (3TC: 1.5-1.5-9). Học phần này gồm những nội dung chính: Khái quát về tuyến điểm du lịch Việt Nam; Các nội dung quản lý tuyến điểm du lịch; Chiến lược và quy hoạch phát triển tuyến điểm du lịch; Các tuyến điểm du lịch tại các vùng ở Việt Nam.

DN94495. Khóa luận tốt nghiệp. Tổng số TC: 10 (0 lý thuyết – 10 thực hành – 30 tự học).

Học phần này gồm: Xác định vấn đề nghiên cứu và xây dựng đề cương sơ bộ; Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu; Nhận định, phân tích các nội dung của chủ đề nghiên cứu trong thực tiễn; Đề xuất giải pháp phù hợp cho đơn vị thực tập thuộc lĩnh vực nghiên cứu; Viết báo cáo khóa luận tốt nghiệp; Hoàn thiện và trình bày khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng.

TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Tất Thắng

Hà Nội, ngày . 07 tháng . 5 năm 2026

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



GS.TS Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Giảng đường Khoa Nông học	3	231.7	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	3	Các học phần cơ sở lý thuyết của ngành Quản lý và Phát triển du lịch Các môn học đại cương, chuyên ngành của ngành Quản lý và PT Du lịch
2	Giảng đường cơ điện cũ	5	336	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	5	
3	Giảng đường cơ điện mới	5	556	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	5	
4	Giảng đường A	13	1037	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	13	
5	Giảng đường C	12	1050	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	12	
6	Giảng đường B	33	6585	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	33	
7	Giảng đường Nguyễn đăng	38	10445	Máy chiếu, hệ thống âm thanh	38	
8	Giảng đường E	19	3230	Máy chiếu, hệ thống âm thanh, điều hòa	19	
9	Giảng đường Trung tâm	60		Máy chiếu, hệ thống âm thanh, điều hòa		

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Consumer behaviour in tourism	Susan Horner and John Swarbrooke.	Abingdon, Oxon New York, NY : Routledge, 2021. Mỹ	1	Tâm lý du khách	DN94042	Hk5, năm thứ 4	
2	Địa lý du lịch cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ, Vũ Đình Hòa (Đồng c.b), ... [và các tác giả khác].	H. : Giáo dục Việt Nam, 2020. Việt Nam	3	Địa lý du lịch	DN04015	HK2, năm thứ 1	
3	Văn hóa du lịch	Nguyễn Phạm Hùng.	H. : Đại học quốc gia Hà Nội, 2020. Việt Nam	4	Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
4	Phát triển sản phẩm du lịch đặc thù vùng núi phía Bắc.		H. : Thể thao và du lịch, 2019. Việt Nam	2	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
					Kinh tế du lịch	DN94103	HK3, năm thứ 2	
					Marketing du lịch	DN94104	HK3, năm thứ 2	
					Phát triển sản phẩm du lịch	DN94006	Hk5, năm thứ 3	
5	Phát huy thế mạnh biển đảo Việt Nam trong thể thao và du lịch	Phạm, Hồng Lâm.	H. : Thể thao và du lịch, 2018. Việt Nam	2				

6	Tìm hiểu địa danh Việt Nam qua tư liệu dân gian / Tập 1	Ngô Văn Ban, sưu tầm và biên soạn	H. : Nhà xuất bản Sân khấu, 2017. Việt Nam	1				
7	Câu chuyện địa danh học và địa danh dân gian Việt Nam : Tìm hiểu, giới thiệu	Cao Chur.	H. : Nxb. Hội Nhà văn, 2017. Việt Nam	1				
8	Giáo trình marketing du lịch	Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa	H. : Kinh tế quốc dân, 2015. Việt Nam	10	Marketing du lịch	DN94104	HK3, năm thứ 2	
9	Ấm thực ba miền: Cẩm nang ẩm thực và du lịch Việt Nam	Như Hoa (S.t)	H. : Văn Hóa Thông tin, 2014. Việt Nam	1	Du lịch ẩm thực	DN94009	HK7, năm thứ 4	
10	Ấm thực ba miền: Cẩm nang ẩm thực và du lịch Việt Nam	Như Hoa (S.t)	H. : Văn Hóa Thông tin, 2014. Việt Nam	1	Du lịch ẩm thực	DN94009	HK7, năm thứ 4	
11	Những trầm tích văn hóa: Qua nghiên cứu địa danh	Nguyễn Thanh Lợi	H. : Văn hóa thông tin, 2014. Việt Nam	1	Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
12	100 kỳ quan thiên nhiên Việt Nam		H. : Lao động, 2013. Việt Nam	1	Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
13	100 kỳ quan thiên nhiên Việt Nam		H. : Lao động, 2013. Việt Nam	9	Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
14	Các di tích lịch sử - văn hóa - tín ngưỡng ở Việt Nam		H. : Lao động, 2013. Việt Nam	1	Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	

					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
15	Các di tích lịch sử - văn hóa - tín ngưỡng ở Việt Nam		H. : Lao động, 2013. Việt Nam	7	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
16	Di sản thế giới ở Việt Nam		H. : Lao động, 2013. Việt Nam	5	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
17	Di sản thế giới ở Việt Nam		H. : Lao động, 2013. Việt Nam	9	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
18	Di sản thế giới ở Việt Nam		H. : Lao động, 2013. Việt Nam	1	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
19	Nguồn gốc địa danh Nam Bộ qua truyện tích và giả thuyết	Nguyễn Hữu Hiếu	H. : Thời đại, 2013. Việt Nam	1	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	

20	Địa danh học Việt Nam	Lê Trung Hoa	H. : Văn hóa thông tin, 2013. Việt Nam	1	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
21	Việt Nam văn hóa và du lịch	Trần Mạnh Thường, biên soạn	H. : Thời đại, 2013. Việt Nam	3	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
22	Phát triển kinh tế dịch vụ Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế	Phạm Thị Khanh, chủ biên, Trần Thị Tuyết Lan, Nguyễn Thị Miên	H. : Chính trị quốc gia - sự thật, 2012. Việt Nam	10	Du lịch bền vững	DN94008	HK5, năm thứ 3	
					Du lịch thông minh	DN94007	HK5, năm thứ 3	
					Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong du lịch	DN94010	HK7, năm thứ 4	
23	Địa danh làng xã Việt Nam đầu Thế kỷ XIX Thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra	Dương Thị The, Phạm Thị Thoa Dịch và biên soạn	H. : Văn hoá Thông tin, 2012. Việt Nam	1	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
24	Địa danh làng xã Việt Nam đầu Thế kỷ XIX Thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra	Dương Thị The, Phạm Thị Thoa Dịch và biên soạn	H. : Văn hoá Thông tin, 2012. Việt Nam	2	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	

					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
25	Địa lí tự nhiên Việt Nam	Vũ Tự Lập	H. : Đại học sư phạm, 2012. Việt Nam	1	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
26	Địa lí tự nhiên Việt Nam	Vũ Tự Lập	H. : Đại học sư phạm, 2012. Việt Nam	9	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
27	Tìm hiểu nguồn gốc địa danh Nam Bộ và Tiếng Việt văn học.	Lê Trung Hoa PGS.TS	H. : Thanh niên, 2011. Việt Nam	1	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
28	Du lịch Thăng Long - Hà Nội	Trương Sỹ Vinh. TS, Chủ biên	H. : Hà Nội, 2010. Việt Nam	1	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
29	Địa danh Việt Nam	Lê Trung Hoà, PGS.TS.	H. : Dân Trí, 2010. Việt Nam	1	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
30	Di sản tên nôm các làng văn hoá dân gian Việt Nam	Trần Gia Linh, Sưu tầm	H. : Dân Trí, 2010. Việt Nam	1	Phát triển du lịch cộng đồng	DN94002	HK7, năm thứ 4	
31	An integrated approach to new food product development	edited by Howard R. Moskowitz, I. Sam Saguy, Tim Straus	Boca Raton : CRC Press, c2009. Mỹ	1	Phát triển sản phẩm du lịch	DN94006	Hk5, năm thứ 3	
					Du lịch ẩm thực	DN94009	HK7, năm thứ 4	

32	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	H. : Giáo dục, 2005. Việt Nam	1	Quản lý điểm đến du lịch	DN94011	HK6, năm thứ 3 HK7 năm thứ 4	
					Tuyển điểm du lịch Việt Nam	DN94012	HK7, năm thứ 4	
33	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	H. : Giáo dục, 2005. Việt Nam	4	Quản lý điểm đến du lịch;	DN94011	HK6, năm thứ 3 HK7 năm thứ 4	
					Tuyển điểm du lịch Việt Nam	DN94012	HK7, năm thứ 4	
34	Building biotechnology : Starting, managing, and understanding Biotechnology businesses	by: Yali Friedman.	Amherst, NY : ThinkBiotech, 2004. Mỹ	1				
35	Sổ tay địa danh Việt Nam	Tác giả:Đinh Xuân Vĩnh.	Hà Nội : Lao Động, 1996. Việt Nam	1	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
36	Sổ tay địa danh Việt Nam	Tác giả:Đinh Xuân Vĩnh.	Hà Nội : Lao Động, 1996. Việt Nam	1	Địa lý du lịch	DN94016	HK2, năm thứ 1	
37	Tourisms : Priciples,practices,philosopies	Robert W. Mc Intosh,Charles R. Geoldner, J.R.Brent Ritchie	New york... : JohnWiley and sons,Inc, 1995. Mỹ	2	Nhập môn du lịch	DN94102	HK1, năm thứ 1	
					Quản lý nhà nước về du lịch	DN94108	HK7, năm thứ 4	
					Lập và quản lý dự án du lịch	DN94109	HK7, năm thứ 4	
					Thực tập nghề nghề nghiệp	DN94377	HK7, năm thứ 4	

					Khóa luận tốt nghiệp	DN94495	HK8, năm thứ 4	
38	Issues and cases of degrowth in tourism	editor, Konstantinos Andriotis.	Wallingford, Oxfordshire Boston, MA : CABI, 2021.	Tài liệu điện tử				
39	Tourist destinations : structure and synthesis	Douglas G Pearce.	Oxfordshire Boston, MA : CABI, 2021.	Tài liệu điện tử	Quản lý điểm đến du lịch	DN94011	HK6, năm thứ 3 HK7 năm thứ 4	
					Tuyển điểm du lịch Việt Nam	DN94012	HK7, năm thứ 4	
					Quản trị kinh doanh lữ hành	DN94112	HK6, năm thứ 3	
40	Creating experience value in tourism	Edited by Nina K. Prebensen, Joseph S. Chen, Muzaffer S. Uysal.	Wallingford, Oxfordshire ; Boston, MA : CAB International, 2020.	Tài liệu điện tử	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DN94107	HK4, năm thứ 2	
					Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	DN94020	HK7, năm thứ 4	
					Phát triển du lịch cộng đồng	DN94002	HK7, năm thứ 4	
					Phát triển du lịch sinh thái	DN94111		
					Du lịch bền vững	DN94008	HK5, năm thứ 3	
					Du lịch thông minh	DN94007	HK5, năm thứ 3	

41	Dark tourism and pilgrimage	edited by Daniel H. Olsen and Maximiliano E. Korstanje.	Oxfordshire, UK ; Boston, MA : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử				
42	Religious tourism and the environment	edited by Kiran A. Shinde, Daniel H. Olsen.	Wallingford, Oxfordshire Boston, MA : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử	Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
					Phát triển du lịch cộng đồng	DN94002	HK7, năm thứ 4	
					Du lịch nông nghiệp	DN94110	HK6, năm thứ 3	
					Phát triển du lịch sinh thái	DN94111		
43	Sustainable destination branding and marketing : strategies for tourism development	Anukrati Sharma, Juan Ignacio Pulido-Fernández, Azizul Hassan.	Boston, Massachusetts : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử	Marketing du lịch	DN94104	HK3, năm thứ 2	
					Phát triển sản phẩm du lịch	DN94006	Hk5, năm thứ 3	
					Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	DN94021	HK4, năm thứ 2	
					Du lịch MICE		HK6, năm thứ 3	
					Du lịch thông minh	DN94007	HK5, năm thứ 3	
					Du lịch bền vững	DN94008	HK5, năm thứ 3	

					Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DN94107	HK4, năm thứ 2	
					Kinh doanh khách sạn và nhà hàng	DN94005	HK7, năm thứ 4	
44	The elephant tourism business	edited by Eric Laws, Noel Scott, Xavier Font and John Koldowski.	Boston, MA : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng	DN94005	HK7, năm thứ 4	
					Quản trị kinh doanh lễ hành	DN94112	HK6, năm thứ 3	
					Quản lý nhà nước về du lịch;	DN94108	HK7, năm thứ 4	
					Quản lý điểm đến du lịch;	DN94011	HK6, năm thứ 3 HK7 năm thứ 4	
					Quản trị tài chính trong du lịch;	DN94004	HK5, năm thứ 3	
					Quản trị nguồn nhân lực du lịch	DN94105	HK4, năm thứ 2	
45	Tourism and gender-based violence : challenging inequalities	edited by Paola Vizcaino, Heather Jeffrey and Claudia Eger.	Wallingford, Oxfordshire, UK Boston, MA : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử				

46	Tourism in European microstates and dependencies : geopolitics, scale and resource limitations	by Dallen J. Timothy.	Wallingford, Oxfordshire, UK Boston, MA, USA : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử				
47	Tourism in development : reflective essays	edited by Peter U. C. Dieke, Brian E. M. King, and Richard Sharpley.	Boston : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử				
48	Tourism planning and development in Latin America	edited by Carlos Monterrubio, Konstantinos Andriotis, Dimitrios Stylidis.	Wallingford : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử				
49	Tourism routes and trails : theory and practice	David Ward-Perkins, Christina Beckmann, Jackie Ellis.	Boston : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử	Quản lý điểm đến du lịch;	DN94011	HK6, năm thứ 3 HK7 năm thứ 4	
					Thực tập nghề nghiệp	DN94377	HK7, năm thứ 4	
					Tuyển điểm du lịch Việt Nam	DN94012	HK7, năm thứ 4	
50	Tourism, tradition and culture : a reflection on their role in development	David Harrison.	Boston : CABI, 2020.	Tài liệu điện tử	Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
51	Emotional intelligence in tourism and hospitality	edited by Erdogan Koc.	Wallingford, Oxfordshire, UK ; Boston, MA : CABI, 2019.	Tài liệu điện tử	Tâm lý du khách	DN94042	Hk5, năm thứ 4	
					Kỹ năng tổ chức sự kiện;	DN94025	Hk4, năm thứ 2	

					Nghiep vụ lễ tân khách sạn	DN94019	HK5, năm thứ 3	
					Nghiep vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	DN94020	HK7, năm thứ 4	
52	Literary tourism : theories, practice and case studies	edited by Ian Jenkins and Katrin Anna Lund.	Wallingford, Oxfordshire, UK Boston, Massachusetts : CABI, 2019.	Tài liệu điện tử				
53	Overtourism : excesses, discontents and measures in travel and tourism	Edited by Claudio Milano, Joseph M. Cheer & Marina Novelli (eds.).	Wallingford, Oxfordshire Boston, MA : CABI, 2019.	Tài liệu điện tử				
54	Private sector tourism in conservation areas in Africa	Susan Snyman and Anna Spenceley.	Boston, MA : CABI, 2019.	Tài liệu điện tử				
55	Spiritual and religious tourism : motivations and management	Ruth Dowson, Jabar Yaqub and Razaq Raj.	Boston, Massachusetts : CABI, 2019.	Tài liệu điện tử				
56	TEFL Tourism : principles, commodification and the sustainability of teaching English as a foreign language	Hayley Stainton.	Wallingford, Oxfordshire, UK Boston, MA : CABI, 2019.	Tài liệu điện tử	Tiếng Anh du lịch	DN94036	HK5, năm thứ 3	
57	Tourism, pilgrimage and intercultural dialogue : interpreting sacred stories	Dolores Vidal-Casellas, Silvia Aulet and Neus Crous-Costa.	Wallingford, Oxfordshire Boston, MA : CABI, 2019.	Tài liệu điện tử				

58	Winter tourism : trends and challenges	edited by Ulrike Pröbstl-Haider, Harold Richins and Stefan Türk.	Wallingford, Oxfordshire Boston, Massachusetts : CABI, 2019.	Tài liệu điện tử				
59	Degrowth in tourism : conceptual, theoretical and philosophical issues	Konstantinos Andriotis.	Wallingford, Oxfordshire, UK ; Boston, MA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				
60	Gender equality and tourism beyond empowerment	Edited by Stroma Cole.	Wallingford, Oxfordshire, UK Boston, MA, USA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				
61	Global climate change and coastal tourism : recognizing problems, managing solutions and future expectations	edited by Andrew Jones and Michael Phillips..	Wallingford, Oxfordshire ; Boston : CAB International, 2018.	Tài liệu điện tử				
62	Islamic tourism : management of travel destinations	edited by Ahmad Jamal, Razaq Raj, Kevin Griffin.	Boston, Massachusetts : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử	Quản lý điểm đến du lịch	DN94011	HK6, năm thứ 3 HK7 năm thứ 4	
63	Managing quality of life in tourism and hospitality	edited by Muzaffer Uysal, M. Joseph Sirgy, Stefan Kruger.	Boston, MA : CAB International, 2018.	Tài liệu điện tử	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	DN94107	HK4, năm thứ 2	
						DN94109	HK7, năm thứ 4	
64	Managing religious tourism	edited by Maureen Griffiths, Peter Wiltshier.	Boston, Massachusetts Boston, MA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				

65	Religious tourism in Asia : tradition and change through case studies and narratives	edited by Shin Yasuda, Razaq Raj and Kevin Griffin.	Boston, MA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử	Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
66	Risk and safety challenges for religious tourism and events	edited by Maximiliano E Korstanje, Kevin A Griffin and Razaq Raj.	Oxfordshire, UK : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				
67	Tourism and animal welfare	By Neil Carr & Donald M. Broom.	Wallingford, Oxfordshire, UK Boston, MA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				
68	Tourism and leisure behaviour in an ageing world	by Ian Patterson.	Wallingford, Oxfordshire, Boston, MA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				
69	Tourism management in warm-water island destinations	edited by Michelle McLeod and Robertico Croes.	Boston, MA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				
70	Tourism, health, wellbeing and protected areas	edited by Iride Azara, Eleni Michopoulou, Federico Niccolini, B. Derrick Taff and Alan Clarke.	Wallingford, Oxfordshire Boston, MA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				
71	World Heritage sites : tourism, local communities and conservation activities	Takamitsu Jimura.	Boston, Massachusetts : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử	Phát triển du lịch cộng đồng	DN94002	HK7, năm thứ 4	
72	Travel Marketing, Tourism Economics and the Airline Product :		Cham : Springer, 2018.		Nghiệp vụ hướng dẫn và	DN94020	HK7, năm thứ 4	

	An Introduction to Theory and Practice	by Mark Anthony Camilleri.		Tài liệu điện tử	hoạt náo du lịch			
					Nghiep vụ lễ tân khách sạn	DN94019	HK5, năm thứ 3	
					Kỹ năng tổ chức sự kiện;	DN94025	Hk4, năm thứ 2	
					Thiết kế và điều hành chương trình du lịch		HK4, năm thứ 2	
73	Pilgrimage in practice : narration, reclamation and healing	edited by Ian S. McIntosh, E. Moore Quinn and Vivienne Keely.	Wallingford, Oxfordshire Boston, MA : CABI, 2018.	Tài liệu điện tử				
74	Tourist destination management : instruments, products, and case studies	edited by Nazmi Kozak, Metin Kozak	New York : Palgrave Macmillan, 2013.	Tài liệu điện tử	Quản lý điểm đến du lịch;	DN94011	HK6, năm thứ 3 HK7 năm thứ 4	
					Tuyển điểm du lịch Việt Nam	DN94012	HK7, năm thứ 4	
75	Strategic management for hospitality and tourism	Fevzi Okumus, Levent Altinay, Prakash Chathoth	Great Britain : Elsevier, 2010.	Tài liệu điện tử	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng	DN94005	HK7, năm thứ 4	
					Quản trị kinh doanh lữ hành	DN94112	HK6, năm thứ 3	
					Quản lý nhà nước về du lịch;	DN94108	HK7, năm thứ 4	

					Quản lý điểm đến du lịch;	DN94011	HK6, năm thứ 3 HK7 năm thứ 4	
					Quản trị tài chính trong du lịch;	DN94004	HK5, năm thứ 3	
					Quản trị nguồn nhân lực du lịch	DN94105	HK4, năm thứ 2	
76	Bộ công cụ quản lý và giám sát du lịch cộng đồng.		Mạng lưới Du lịch Bền vững vì Người Nghèo SNV Việt Nam Đại học Tổng hợp H	Tài liệu điện tử	Phát triển du lịch cộng đồng	DN94002	HK7, năm thứ 4	
77	Marine ecotourism : Between the devil and the deep blue sea	Carl Cater, Erlet Cater.	CAB International, 2007.	Tài liệu điện tử	Phát triển du lịch sinh thái	DN94111	HK 6, năm thứ 3	
78	Marine wildlife and tourism management : Insights from the natural and social sciences	Edited by James Higham, Michael Luck.	CAB International, 2007.	Tài liệu điện tử				
79	Du lịch Sinh Thái	Lê Huy Bá.	Trường Đại Học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2006.	Tài liệu điện tử	Du lịch nông nghiệp	DN94110	HK6, năm thứ 3	
					Phát triển du lịch sinh thái	DN94111	HK 6, năm thứ 3	
					Phát triển du lịch cộng đồng	DN94002	HK7, năm thứ 4	
80	Tạp chí Văn hiến Việt Nam		Viện Nghiên cứu Bảo tồn và Phát huy Văn hóa Dân tộc	Tạp chí	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	

					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
81	Tập chí Văn hóa dân gian		Viện nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	Tập chí	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	
82	Tập chí Xưa và Nay		Tập chí chuyên đề về Lịch sử Việt Nam của Hội Khoa học Lịch Sử Việt Nam	Tập chí	Cơ sở Văn hóa VN	XH94028	HK1, năm thứ 1	
					Văn hóa du lịch	DN94100	HK3, năm thứ 2	
					Phong tục tập quán Việt Nam	DN94106	HK5, năm thứ 3	

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

STT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
1	ThS. Vũ Văn Tuấn	Pháp luật đại cương	Học kỳ 1, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
2	TS. Phạm Thị Hương Dịu	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Học kỳ 1, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
3	ThS. Nguyễn Thị Mai Trang	Nhập môn du lịch	Học kỳ 1, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
4	TS. Nguyễn Xuân Hải	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kỳ 1, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
5	ThS. Trần Thị Hà Nghĩa	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Học kỳ 1, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
6	TS. Trần Thị Thu Hương	Thương mại và hội nhập quốc tế	Học kỳ 1, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
7	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thu	Tiếng Anh bổ trợ	Học kỳ 1, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
8	TS. Phạm Quang Dũng	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Học kỳ 2, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
9	TS. Trần Thị Thiêm	Nông nghiệp hiện đại	Học kỳ 2, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
10	TS. Ngô Thế Ân	Sinh thái môi trường	Học kỳ 2, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
11	PGS. TS Hồ Ngọc Ninh	Địa lý du lịch	Học kỳ 2, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
12	TS. Lê Văn Hùng	Triết học Mac - Lenin	Học kỳ 2, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
13	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thu	Tiếng Anh 0	Học kỳ 2, năm thứ nhất	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
14	PGS. TS Bùi Thị Nga	Văn hóa du lịch	Học kỳ 3, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
15	PGS. TS Hồ Ngọc Ninh	Kinh tế du lịch	Học kỳ 3, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
16	ThS. Nguyễn Thị Mai Trang	Marketing du lịch	Học kỳ 3, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

17	Lưu Văn Duy	Tổ chức và quản lý kinh tế	Học kỳ 3, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
18	ThS. Lê Thị Kim Thanh	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kỳ 3, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
19	ThS. Nguyễn Thị Hương	Tiếng Anh 1	Học kỳ 3, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
20	PGS. TS Hồ Ngọc Ninh	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 4, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
21	PGS. TS Bùi Thị Nga	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	Học kỳ 4, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
22	TS. Nguyễn Xuân Hải	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	Học kỳ 4, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
23	ThS. Nguyễn Thị Sơn	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 4, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
24	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thu	Tiếng Anh 2	Học kỳ 4, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
25	TS. Nguyễn Hùng Anh	Kỹ năng tổ chức sự kiện	Học kỳ 4, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
26	ThS. Hà Thị Hồng Yến	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 5, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
27	ThS. Lê Thị Dung	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 5, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
28	ThS. Đặng Xuân Phi	Quản trị tài chính trong du lịch	Học kỳ 5, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
29	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thu	Tiếng Anh du lịch	Học kỳ 5, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
30	TS. Nguyễn Xuân Hải	Phát triển sản phẩm du lịch	Học kỳ 5, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
31	TS. Nguyễn Hùng Anh	Du lịch bền vững	Học kỳ 5, năm thứ ba			x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
32	TS. Nguyễn Xuân Hải	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	Học kỳ 5, năm thứ ba			x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
33	PGS.TS. Bùi Thị Nga	Du lịch thông minh	Học kỳ 5, năm thứ ba			x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
34	TS. Nguyễn Xuân Hải	Phong tục tập quán Việt Nam	Học kỳ 5, năm thứ ba			x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
35	TS. Mai Thị Phụng	Quản lý điểm đến du lịch	học kỳ 7, năm thứ tư	x	x	x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

36	TS. Nguyễn Thị Trang Nhung	Thực tập nghề du lịch	Học kỳ 6, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
37	ThS. Nguyễn Huyền Thương	Tâm lý du khách	Học kỳ 6, năm thứ ba			x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
38	TS. Nguyễn Hùng Anh	Du lịch MICE	Học kỳ 6, năm thứ ba			x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
39	PGS. TS Hồ Ngọc Ninh	Du lịch nông nghiệp	Học kỳ 6, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
40	ThS. Nguyễn Thị Mai Trang	Phát triển du lịch sinh thái	Học kỳ 6, năm thứ tư	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
41	TS. Nguyễn Xuân Hải	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	Học kỳ 6, năm thứ hai	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
42	ThS. Đặng Xuân Phi	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Học kỳ 7, năm thứ tư	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
43	TS. Nguyễn Xuân Hải	Phát triển du lịch cộng đồng	Học kỳ 7, năm thứ tư	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
44	PGS.TS Bùi Thị Nga	Phát triển và quản lý trang trại du lịch	Học kỳ 7, năm thứ tư	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
45	TS. Nguyễn Xuân Hải	Nghiệp vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn	Học kỳ 7, năm thứ tư	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
46	PGS.TS Bùi Thị Nga	Du lịch ẩm thực	Học kỳ 7, năm thứ tư			x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
47	TS. Nguyễn Hùng Anh	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong du lịch	Học kỳ 7, năm thứ tư			x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
48	ThS. Đặng Xuân Phi	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng	Học kỳ 7, năm thứ tư	x	x	x	x	Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
49	TS. Nguyễn Xuân Hải	Nghiệp vụ hướng dẫn và hoạt náo du lịch	Học kỳ 7, năm thứ tư	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
50	TS. Nguyễn Thị Trang Nhung	Quản trị kinh doanh lễ hành	Học kỳ 6, năm thứ ba	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
51	PGS. TS Hồ Ngọc Ninh	Khóa luận tốt nghiệp Du lịch	Học kỳ 8, năm thứ tư	x	x			Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

PHỤ LỤC 4
MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH DU LỊCH

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC 5

ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH DU LỊCH VỚI CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
I. KIẾN THỨC				
	PLO1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực du lịch.	CR2: Vận dụng được các kiến thức khoa học xã hội, khoa học sự sống, khoa học tự nhiên, nhà nước và pháp luật làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Du lịch; Sử dụng tốt công nghệ thông tin cơ bản và ứng dụng được trong công việc chuyên môn.	Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực Du lịch; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật liên quan đến lĩnh vực được đào tạo	
	PLO2. Áp dụng kiến thức nền tảng về hệ thống du lịch và các yếu tố liên ngành trong tổ chức và phát triển hoạt động du lịch	CR5: Nắm vững, hiểu sâu, và biết cách vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức bổ trợ đối với ngành du lịch như: quản lý hệ thống thông tin du lịch, kế toán tài chính, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; vận dụng được các kiến thức về phương pháp luận khoa học trong học tập nâng cao trình độ,		

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
		phát triển tư duy nghề nghiệp và tổ chức, điều hành công việc chuyên môn.		
	PLO3. Áp dụng được kiến thức lý thuyết và thực tế cơ bản và toàn diện thuộc nhóm ngành du lịch		Hiểu được các kiến thức cơ bản về đặc trưng văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, nghệ thuật diễn xướng dân gian Việt Nam, văn hóa ẩm thực Việt Nam, di tích văn hóa - lịch sử của Việt Nam, lễ hội Việt Nam cùng những kiến thức cơ bản về Hán Nôm trong du lịch... từ đó biết cách tổ chức khai thác có chọn lọc các giá trị của hệ thống di sản văn hóa đó phục vụ kinh doanh du lịch, tạo sự phát triển du lịch bền vững. - Hiểu và nắm được những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch ở Việt Nam; vận dụng những hiểu biết đó vào quá trình tổ chức kinh doanh du lịch cũng như quản lý hoạt động du lịch ở các địa phương và doanh nghiệp.	
	PLO4: Áp dụng kiến thức về quản trị kinh doanh và marketing trong vận hành cơ sở du lịch	CR3: Vận dụng được các kiến thức khoa học cơ bản như liên quan đến kinh tế, du lịch, và quản trị kinh doanh	Hiểu và vận dụng phù hợp các khối kiến thức chuyên môn trong hoạt động du lịch, bao gồm các khối kiến thức cơ	

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
		để làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Du lịch.	bản về tổng quan du lịch, địa lý du lịch, marketing du lịch để triển khai quá trình khởi nghiệp trong du lịch, quản trị doanh nghiệp du lịch. - Hiểu và vận dụng được kiến thức về tâm lý du khách để làm tốt các công việc khi triển khai nghiệp vụ kinh doanh du lịch lễ hành, kinh doanh khách sạn – nhà hàng du lịch; lễ tân khách sạn và các hoạt động hướng dẫn du lịch. - Nắm và vận dụng được kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành là tiếng Anh trong các hoạt động hướng dẫn du lịch, trong kinh doanh khách sạn - nhà hàng du lịch, đáp ứng tốt các nhu cầu của du khách quốc tế trong hoạt động du lịch ở Việt Nam.	
	PLO5: Xây dựng chương trình và dự án du lịch, xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch	CR4: Nắm vững, hiểu sâu và biết cách vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức chuyên sâu liên quan đến công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch như: quản lý tài nguyên du lịch, quản lý nhà nước về du lịch, quản lý du lịch bền		

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
		vững, hiểu và vận dụng tốt kinh doanh khách sạn, kinh doanh nhà hàng, kinh doanh lữ hành, và các loại hình du lịch trọng điểm và mang tính thời đại như du lịch ẩm thực, du lịch lễ hội sự kiện...; đồng thời, vận dụng được kiến thức về các phương pháp thống kê để phân tích xử lý số liệu thực nghiệm.		
			CĐR 6: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành du lịch, kiến thức thực tiễn nghề nghiệp vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh, quản lý du lịch, lữ hành và sự kiện;	
			CĐR 7: Vận dụng được các kiến thức theo hướng chuyên ngành (quản trị lữ hành/quản trị sự kiện) vào hoạt động nghiên cứu, kinh doanh, quản lý lữ hành hoặc sự kiện, cung cấp các dịch vụ có chất lượng, thỏa mãn nhu cầu của khách hàng, đảm bảo phát triển bền vững.	
KỸ NĂNG				

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
	PLO6: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số và ngoại ngữ trong lĩnh vực du lịch	CR7: Có khả năng làm việc chuyên môn độc lập tốt cũng như có thể giao tiếp xã hội tốt để làm việc nhóm hiệu quả; thường xuyên trau dồi một trong các kỹ năng mềm quan trọng nhất của người học ngành Du lịch là kỹ năng giải quyết, xử lý các tình huống có thể phát sinh trong quá trình thực tế nghề nghiệp tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch; kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc, phổ biến, chuyển tải kiến thức; kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều phối, và quản lý trong công việc; kỹ năng khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo việc làm cho mình và cho người khác; rèn luyện, nâng cao kỹ năng lập kế hoạch, xây dựng dự án để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc khác nhau của một doanh nghiệp kinh doanh du lịch.	Có khả năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Tin học trình độ B	CDR 1: Phân tích tác động của toàn cầu hóa đối với lịch sử phát triển ngành du lịch và khách sạn.
	PLO7: Phối hợp làm việc nhóm và truyền đạt hiệu quả trong công việc.		- Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp cơ bản như nói, viết, nghe, đàm phán, thuyết trình; - Nắm chắc tâm lý đối tác, khách hàng, có kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp, kỹ năng giao tiếp với cá nhân, với nhóm; - Kỹ năng giao tiếp qua phương tiện truyền thông, ngoại giao, giao tiếp phù hợp với các đối tượng công chúng khác nhau; - Kỹ năng phân tích, đánh giá tình huống, sử dụng các phương tiện giao tiếp, chủ động trong các tình huống khác nhau.	CDR 2: Áp dụng kỹ năng phân tích và định lượng để hình thành các quyết định kinh doanh liên quan đến quản lý du lịch và khách sạn

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
			Kỹ năng tổ chức vận hành nhóm, điều phối làm việc nhóm khoa học, chặt chẽ, hiệu quả. - Kỹ năng thiết lập quan hệ với các thành viên trong nhóm. - Kỹ năng làm việc tương thích trong nhóm nhỏ và nhóm lớn.	
	PLO8: Sử dụng các kỹ năng nghề du lịch trong tổ chức, điều hành hoạt động du lịch thực tiễn.	CR6: Có khả năng tổng hợp, đánh giá, phân tích vấn đề thuộc khối kiến thức ngành nghề, có khả năng trình bày và viết các báo cáo rõ ràng, chính xác; Có kỹ năng tốt về thu thập, phân tích, và xử lý thông tin; có khả năng đọc hiểu và viết được tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh. Và đặc biệt là phải trang bị được các kỹ năng cần thiết trong xử lý tình huống trong từng lĩnh vực kinh doanh thuộc về du lịch như khách sạn, nhà hàng, lữ hành; thường xuyên thực hành, rèn luyện để không ngừng nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin.	Có tư duy sáng tạo, kỹ năng xây dựng các chương trình, dự án phát triển du lịch bền vững. Tổ chức các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội có liên quan đến hoạt động du lịch một cách phù hợp ở các địa phương. Tổ chức khai thác, phát huy tiềm năng lợi thế của các địa phương để kinh doanh du lịch đạt hiệu quả tối ưu, tạo sự phát triển du lịch bền vững.	CDR 3: Đánh giá và áp dụng lý thuyết và cách thức thi vai trò lãnh đạo trong nhiều tình huống đa dạng của ngành du lịch và khách sạn.
	PLO9: Thực hiện các nghiên cứu thuộc lĩnh vực du lịch trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.		Có kỹ năng tổ chức điều hành và thực hiện tốt các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch. Có khả năng lập kế hoạch kinh doanh, mở hướng chiến lược phát triển kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.	CDR 4: Áp dụng cách suy xét hợp lý để đánh giá việc thực hiện đạo đức kinh doanh trong ngành du lịch và khách sạn.

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
			- Có kỹ năng thiết kế, bán, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch trọn gói; tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch trong và ngoài nước đạt chất lượng, hiệu quả cao. - Có kỹ năng thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, điều hành các hoạt động kinh doanh trong hệ thống khách sạn - nhà hàng đạt chuẩn tương ứng với cách tiêu chuẩn quốc gia. - Có kỹ năng tổ chức các sự kiện văn hóa - du lịch, hội nghị hội thảo với các quy mô, cấp độ phù hợp, đạt các chuẩn khác nhau theo yêu cầu thực tiễn. - Có kỹ năng chuyên môn phù hợp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động hướng dẫn du lịch đối với du khách trong nước và du khách quốc tế.	
				CDR 5: Soi xét lại các đánh giá về hiệu quả quản lý hệ thống, từ đó xác định chiến lược hành động để

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
				quản lý con người trong ngành du lịch và khách sạn.
				CDR 6: Truyền thông điệp rõ ràng và thuyết phục để đàm phán, tư vấn và thu hút được khách hàng, nhân viên và những đối tác khác trong ngành du lịch và khách sạn.
				CDR 7: Dùng khả năng suy xét để đánh giá và áp dụng chiến lược quản lý rủi ro, bao gồm chiến lược đối phó khủng bố trong ngành du lịch và khách sạn quốc tế
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM				
	PLO10: Thể hiện ý thức học tập suốt đời, tinh thần khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.	CR8: Chấp hành tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, và sức khỏe tốt; có tính thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng, và tác phong chuyên nghiệp; trung thực, cởi mở, tôn trọng	Tôn trọng và yêu thương con người; - Tinh thần tự học, làm chủ bản thân, vươn lên không ngừng; - Có phẩm chất đạo đức và trung thực, biết lấy mục tiêu phát triển của cơ	CDR 8: Hình thành những lựa chọn và đề xuất sáng tạo để thực hiện kinh doanh bền vững trong ngành du lịch và khách sạn.

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
		đồng nghiệp và khách hàng; có tinh thần học hỏi, có ý chí không ngừng nâng cao kiến thức và rèn luyện bản thân.	quan/tổ chức/doanh nghiệp làm mục tiêu phấn đấu của bản thân; - Có tinh thần cầu tiến; thái độ học hỏi; luôn sẵn sàng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc. Có đam mê, tâm huyết với nghề du lịch; - Tuân thủ pháp luật, tôn trọng các truyền thống bản địa và thông lệ quốc tế và biết chịu trách nhiệm trước các quyết định của bản thân.	
		CR9: Có phương pháp làm việc và tư duy khoa học, biết cách giải quyết hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn nghề nghiệp; có thái độ cư xử chuyên nghiệp và có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và cộng đồng xã hội; có trách nhiệm cao trong công việc, có đạo đức trong kinh doanh và các hoạt động kinh tế trong xã hội hiện đại; có ý chí cầu tiến, chủ động lập kế hoạch cho phát triển nghề nghiệp, vươn lên trong công việc và hoàn thiện bản thân để trở thành chủ doanh nghiệp trong tương lai.	Có tinh thần vì cộng đồng; ứng xử thân thiện, giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên và sinh thái nhân văn. - Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong làm việc, giao tiếp, truyền thông và đối ngoại. - Tuân thủ các quy định, nội quy của cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp; có thái độ ứng xử hòa đồng với đồng nghiệp, sẵn sàng phối hợp và giúp đỡ đồng nghiệp để hoàn thành tốt những nhiệm vụ được giao;	

PHÂN LOẠI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	CHUẨN ĐẦU RA CÁC CHƯƠNG TRÌNH THAM KHẢO		
		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH ĐẠI HỌC HUẾ	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC NGÀNH DU LỊCH, ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN, ĐẠI HỌC RMIT
			- Có ý thức trách nhiệm cao trong công việc, tác phong nghề nghiệp chuyên nghiệp, thái độ phục vụ tận tình chu đáo với khách hàng.	

PHỤ LỤC 6

MA TRẬN VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

	Họ e	BB /	Mã học HP	Tên học phần	Kiến thức chung			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn			Tự chủ và trách thể
					Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng	Áp dụng
1	1	BB	XH91001	Pháp luật đại cương	P	I					I						I
2	1	BB	KE91028	Khởi nghiệp và văn hoá kinh doanh	P	P					P	I					I
3	1	BB	DN94102	Nhập môn du lịch			I				P	I					I
4	1	BB	XH94022	Cơ sở văn hóa Việt Nam			I				P	I	I				I
5	1	BB	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyên	I		P				I	P	I				I
6	1	BB	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	P						P	I					I
9	5	BB	DN94104	Marketing du lịch		R			P								I
10	2	BB	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	P	P					P	I	I				I
11	2	BB	NH91044	Nông nghiệp hiện đại	I		P					I					I
12	2	BB	TH91071	Sinh thái và môi trường	P		P				I						I
13	2	BB	DN94027	Địa lý du lịch (PP đồ án)		I				R		P	I				I
14	2	BB	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	I						I						I
17	3	BB	DN94100	Văn hóa du lịch			P		P						P		I
18	3	BB	DN94103	Kinh tế du lịch		P			P						I		I
19	3	BB	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học		R					I						I
20	3	BB	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	P	P						I					I
21	3	BB	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	P						I						I
22	3	BB	DN91033	Tiếng Anh 1							I		R				P
25	4	BB	DN94107	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch (PP Đồ án)				P	R			R				P	P
26	4	BB	DN93015	Phương pháp nghiên cứu khoa học								P				P	P
27	4	BB	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	R						I						I
28	4	BB	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	R						I						I
29	4	BB	DN91033	Tiếng Anh 2							P		M				P
33	5	BB	DN94105	Quản trị nguồn nhân lực du lịch				P		P				P			I
34	5	BB	DN94004	Quản trị tài chính trong du lịch	R				R			P		M			I
35	5	TC	DN94025	Kỹ năng tổ chức sự kiện							R				P		P
36	5	BB	DN94034	Tiếng Anh Du lịch							R		M		R		P
37	5	BB	DN94006	Phát triển sản phẩm du lịch		P				I		I		R		I	I
38	5	TC	DN94008	Du lịch bền vững		P			R	I		I					P
39	5	TC	DN94015	Nghệ thuật văn hóa khách sạn				I				P		P	R		P
40	5	TC	DN94011	Du lịch thông minh		P		P			P		M				P
41	5	TC	DN94106	Phong tục tập quán Việt Nam		I		I	I	P				I			R
42	6	BB	DN94110	Du lịch nông nghiệp						P		P			R		P
43	6	BB	DN94111	Phát triển du lịch sinh thái					R		P	I					R
44	6	BB	DN94377	Thực tập nghề nghiệp du lịch (PP đồ án)					R					R		R	R
45	6	TC	DN94042	Tâm lý du khách						I					R		P
46	6	TC	DN94024	Du lịch MICE		P			R			R					R
47	6	BB	DN94021	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch		I			P								R
48	6	BB	DN94012	Tuyển điểm du lịch Việt Nam					M					P		P	R
52	7	BB	DN94005	Phát triển du lịch cộng đồng					R					P			P
53	7	BB	DN94108	Phát triển và quản lý trang trại du lịch		R				P	P			P			R
54	7	TC	DN94109	Nghệ thuật văn hóa khách sạn					P			P			R		P
55	7	TC	DN94009	Du lịch ẩm thực			P							P			P
56	7	TC	DN94010	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong du lịch	R							P			R		P
57	7	BB	DN94005	Kinh doanh khách sạn và nhà hàng		I					P					R	P
58	7	TC	DN94011	Quản lý điểm đến du lịch					M						P		
59	7	BB	DN94022	Nghệ thuật văn hóa khách sạn					P					R		M	P
60	7	BB	DN94112	Quản trị kinh doanh lý hành						R	R				P		P
66	8	BB	DN94495	Khoá luận tốt nghiệp (PP Đồ án)					M			M				M	M

PHỤ LỤC 7

LỘ TRÌNH HỌC TẬP

Học kỳ 1	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Nhập môn du lịch	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Pháp luật đại cương	Tiếng Anh bổ trợ (PCBB)	Cơ sở văn hóa VN	Giáo dục thể chất đại cương (PCBB)	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 2	Marketing du lịch	Nông nghiệp hiện đại	Sinh thái và môi trường	Địa lý du lịch (PP đồ án)	Triết học Mác - Lê Nin	Tiếng Anh 0	Kỹ năng mềm (PCBB)		Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 3	Văn hóa du lịch	Kinh tế du lịch	Tổ chức và quản lý kinh tế	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Tiếng Anh 1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đường lối quân sự của Đảng	Công tác quốc phòng - An ninh (PCBB)	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 4	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tiếng Anh 2	GD Thể chất (PCBB)	Quân sự chung(PCBB)	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và CT (PCBB)	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 0
Học kỳ 5	Quản trị tài chính trong du lịch	Tiếng Anh du lịch	Phát triển sản phẩm du lịch	Kỹ năng tổ chức sự kiện	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	Du lịch bền vững (TC)	Nghiep vụ lễ tân khách sạn (TC)	Du lịch thông minh (TC) Phong tục tập quán VN (TC)	Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 7
Học kỳ 6 (định hướng Du lịch NN,NT)	Du lịch nông nghiệp	Phát triển du lịch sinh thái	Thực tập nghề nghiệp	Tâm lý du khách (TC)	Du lịch MICE (TC)				Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 3
Học kỳ 6 (định hướng Quản trị DV &LH)	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch (PP đồ án)	Tuyển điểm du lịch VN							
Học kỳ 7 (định hướng DL NN, NT)	Phát triển và quản lý trang trại du lịch	Phát triển du lịch ĐĐ	Nghiep vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn	Du lịch ẩm thực (TC)	Quản lý điểm đến DL (TC)	Kinh doanh khách sạn và NH (TC)	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong du lịch (TC)		Số tín chỉ tối thiểu phải chọn: 6
Học kỳ 7 (Quản trị DV & LH)	Nghiep vụ hướng dẫn và hoạt náo DL	Quản trị kinh doanh lữ hành	Kinh doanh khách sạn và NH (BB)	Du lịch ẩm thực (TC)	Đổi mới sáng tạo và KN trong DL (TC)	Quản lý điểm đến DL (TC)			
Học kỳ 8	Khoá luận tốt nghiệp ngành DL								Tổng số tín chỉ tích lũy ≥ 70%; ĐTBCTL ≥ 2.0;
	Tổng số tín chỉ bắt buộc			121	BB	Khối kiến thức đại cương			
	Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			14	TC	Khối kiến thức cơ sở ngành			
	Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo			135		Khối kiến thức chuyên ngành			